

CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN HGROUP
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN HGROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HGROUP COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HGROUP CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109709394

3. Ngày thành lập: 16/07/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 1, ngách 5, ngõ 111 Triều Khúc, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0343061681

Fax:

Email: hoangnguyenbaokim@gmail.com Website:
m

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ lương thực lưu động hoặc tại chợ; Bán lẻ thực phẩm khô, thực phẩm công nghiệp, đường sữa bánh kẹo lưu động hoặc tại chợ; Bán lẻ đồ uống lưu động hoặc tại chợ; Bán lẻ thịt gia súc, gia cầm tươi sống, đông lạnh lưu động hoặc tại chợ; Bán lẻ thủy sản tươi sống, đông lạnh lưu động hoặc tại chợ; Bán lẻ rau quả lưu động hoặc tại chợ; Bán lẻ thực phẩm chín lưu động hoặc tại chợ; Bán lẻ thực phẩm loại khác chưa được phân vào đâu	4781
2.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
3.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
4.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
5.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
6.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
7.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (loại trừ “đấu giá”)	4791
8.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (loại trừ “đấu giá”)	4799
9.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
10.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
11.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
12.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011

13.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
14.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
15.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
16.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
17.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
18.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
19.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không	5223
20.	Bốc xếp hàng hóa	5224
21.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
22.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển; Logistics; Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu (Bao gồm: Hoạt động từ những đại lý bán vé máy bay; Hoạt động từ đại lý làm những thủ tục về hải quan)	5229
23.	Bưu chính	5310
24.	Chuyển phát	5320
25.	Giáo dục trung học phổ thông	8523
26.	Đào tạo sơ cấp	8531
27.	Đào tạo trung cấp	8532
28.	Đào tạo cao đẳng	8533
29.	Đào tạo đại học	8541
30.	Đào tạo thạc sỹ	8542
31.	Đào tạo tiến sỹ	8543
32.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
33.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
34.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu loại trừ hoạt động của các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể, tôn giáo	8559
35.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
36.	Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế Chi tiết: Hoạt động của các bệnh viện; Hoạt động của các trạm y tế và trạm y tế bộ/ngành	8610
37.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa Chi tiết: Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa; Hoạt động của các phòng khám nha khoa	8620
38.	Hoạt động y tế dự phòng	8691
39.	Hoạt động của hệ thống cơ sở chính hình, phục hồi chức năng	8692
40.	Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu	8699
41.	Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng	8710
42.	Hoạt động chăm sóc sức khỏe người bị thiếu năng, tâm thần và người nghiện	8720

43.	Hoạt động chăm sóc sức khỏe người có công, người già và người khuyết tật không có khả năng tự chăm sóc	8730
44.	Hoạt động chăm sóc tập trung khác	8790
45.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
46.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
47.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
48.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình Bao gồm sửa chữa thiết bị y tế, dụng cụ y tế	9522
49.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	9529
50.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
51.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu	9639
52.	Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình	9700
53.	Hoạt động sản xuất các sản phẩm vật chất tự tiêu dùng của hộ gia đình	9810
54.	Hoạt động sản xuất các sản phẩm dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	9820
55.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
56.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
57.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
58.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
59.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
60.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
61.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội	7221
62.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn	7222
63.	Quảng cáo	7310
64.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
65.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
66.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (loại trừ: - Hoạt động của những nhà báo độc lập; - Thanh toán hối phiếu và thông tin tỷ lệ lương; - Tư vấn chứng khoán)	7490
67.	Cho thuê xe có động cơ	7710
68.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721

69.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
70.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác, không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu (bao gồm máy móc, thiết bị y tế)	7730
71.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
72.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
73.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
74.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
75.	Đại lý du lịch	7911
76.	Điều hành tua du lịch	7912
77.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
78.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
79.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
80.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
81.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
82.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
83.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
84.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất, nhập khẩu những mặt hàng của doanh nghiệp kinh doanh; Ủy thác và nhận sự ủy thác của việc Xuất, nhập khẩu về hàng hóa.	8299
85.	Dịch vụ đóng gói	8292
86.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	2910
87.	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
88.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
89.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
90.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312
91.	Hoạt động thể thao khác	9319
92.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
93.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
94.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010

95.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
96.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
97.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
98.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
99.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
100.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
101.	Sản xuất đường	1072
102.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
103.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
104.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
105.	Sản xuất chè	1076
106.	Sản xuất cà phê	1077
107.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
108.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
109.	Sản xuất rượu vang	1102
110.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
111.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
112.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
113.	Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa	1702
114.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
115.	In ấn	1811
116.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
117.	Sản xuất hoá chất cơ bản Bao gồm hóa chất sử dụng trong ngành dược, vật tư y tế; trừ hóa chất bị cấm theo Công ước quốc tế về cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học	2011
118.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
119.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
120.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	2021
121.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
122.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
123.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
124.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
125.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu Chi tiết: Sản xuất thuốc các loại, sản xuất hóa dược và dược liệu	2100
126.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391

127.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
128.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
129.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
130.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
131.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
132.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (trừ sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại)	2599
133.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
134.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
135.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển (bao gồm thiết bị trong ngành y tế)	2651
136.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
137.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
138.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680
139.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
140.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
141.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
142.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
143.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
144.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
145.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
146.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
147.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
148.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
149.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
150.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
151.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
152.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
153.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
154.	Sản xuất máy chuyên dụng khác Bao gồm các loại máy móc chuyên dụng trong ngành y tế	2829
155.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
156.	Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật	3092

157.	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu	3099
158.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
159.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
160.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng Bao gồm: Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa; Sản xuất dụng cụ chỉnh hình, phục hồi chức năng	3250
161.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
162.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
163.	Sửa chữa máy móc, thiết bị Bao gồm: Sửa chữa máy móc, thiết bị y tế	3312
164.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học Hoạt động sửa chữa máy móc, thiết bị y tế và thiết bị chẩn đoán bệnh có màn hình hiển thị, thiết bị đo lường và xét nghiệm, thiết bị phòng thí nghiệm, thiết bị ra đa hoặc định vị vật dưới nước bằng âm hoặc siêu âm được phân vào nhóm	3313
165.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
166.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
167.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
168.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
169.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
170.	Cơ sở lưu trú khác	5590
171.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
172.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
173.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
174.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
175.	Hoạt động viễn thông khác	6190
176.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
177.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
178.	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	3520
179.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
180.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
181.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
182.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
183.	Thu gom rác thải độc hại	3812
184.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821

185.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
186.	Tái chế phế liệu	3830
187.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
188.	Xây dựng nhà để ở	4101
189.	Xây dựng nhà không để ở	4102
190.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
191.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (trừ hoạt động của đấu giá viên)	4610
192.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
193.	Bán buôn thực phẩm	4632
194.	Bán buôn đồ uống	4633
195.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
196.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Bao gồm: Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Chi tiết: – Bán buôn tân dược; – Bán buôn dụng cụ y tế: bông, băng, gạc, dụng cụ cứu thương, kim tiêm...; – Bán buôn máy, thiết bị y tế loại sử dụng trong gia đình như: máy đo huyết áp, máy trợ thính...	4649
197.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
198.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
199.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
200.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị y tế; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659(Chính)
201.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
202.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
203.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669

204.	Bán buôn tổng hợp Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; Bán buôn cao su; Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	4690
205.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
206.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket); Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket); Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác	4719
207.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
208.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
209.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
210.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
211.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
212.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
213.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
214.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
215.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
216.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
217.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
218.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
219.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
220.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
221.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771

222.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán thuốc đông y, bán thuốc nam trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
223.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
224.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (loại trừ “đấu giá”)	4774

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ BÍCH HẰNG	Việt Nam	302 - CC10 - Nam Thành Công, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	8.500.000.000	85,000	040187000348	
2	DƯƠNG VĂN QUÂN	Việt Nam	P710, CT4, EcoGreen City, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.500.000.000	15,000	042087000391	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ BÍCH HẰNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 14/10/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 040187000348

Ngày cấp: 15/03/2016

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư*

Địa chỉ thường trú: *Số 1, ngách 5, ngõ 111 Triều Khúc, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 1, ngách 5, ngõ 111 Triều Khúc, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội